TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-PT
Ngày 24-11-2021
V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương, bà Phạm Thị Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đoàn Thùy An, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị ThA Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*",

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/20121/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/20121/QĐ-PT ngày 28 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/20121/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/20121/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/20121/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T và ông Trần Văn Đ;

Cùng địa chỉ: Bon Đắk H, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Đ: Bà Đỗ Thị T – Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị T: Ông Nguyễn Văn H– Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, phường N, TP. G, tỉnh Đăk Nông.

2. Bị đơn: Ông Lưu Văn P - Có mặt.

Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Người có quyền lợi N vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T – Có mặt.

Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Lưu Văn P – Có mặt.

- Anh Lê Văn N – Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị C – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Bản Đ, xã Thuyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Vũ Ngọc D, bà Phạm Thị A.

Đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Ngọc D: Bà Phạm Thị A – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Bàn Phủ L, bà Bàn Thị C;

Đại diện theo ủy quyền của bà Bàn Thị C: ông Bàn Phủ L – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bản Đ, xã Thuyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị H - Vắng mặt.

Địa chỉ: Bon U1, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Nguyễn Thị H – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- Ông Trần Văn T – Có mặt

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

- A Trần Hữu N – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

-A Phạm Văn P – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lưu Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:

Cuối năm 2004, vợ chồng bà Đỗ Thị T và ông Trần Văn Đ nhận chuyển nhượng của ông Bàn Phủ L và bà Bàn Thị C thửa đất có chiều ngang theo quốc lộ 14c là 10m, chiều dài 50m, đất tọa lạc tại Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. trong đó có diện tích đất hiện đang tranh chấp với ông Lưu Văn P là 05m x 50m. Khi chuyển nhượng hai bên có lập giấy viết tay, có chữ ký của các bên, hiện trạng đất là đất trắng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cuối năm 2009, vợ chồng ông Đ, bà T chuyển nhượng cho ông Vũ Ngọc D, bà Phạm Thị A một nửa thửa đất (5 x 50m), phần còn lại vẫn chưa sử dụng. Năm 2010, ông bà phát hiện phần đất còn lại đã bị Lê Văn N và chị Nguyễn Thị C tự ý chuyển nhượng cho ông D, bà A, sau đó ông D, bà A tiếp tục chuyển nhượng phần đất này cho ông Lưu Văn P và bà Nguyễn Thị T, hiện tại ông P , bà T đã làm nhà và đang sử dụng đất. Nay ông Đ, bà T khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc

ông P , bà T phải trả lại diện tích đất đã sử dụng không có căn cứ là 250m^2 (05 x 50m) và tự di dời toàn bộ tài sản trên đất, tại phiên tòa sơ thẩm, ông bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông P , bà T trả lại diện tích đất theo kết quả đo đạc là 293,9m^2 và đồng ý bồi thường phần tài sản trên đất theo kết quả định giá là 226.042.500 đồng.

Bị đơn ông Lưu Văn P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T trình bày: Thửa đất tranh chấp do vợ chồng ông P nhận chuyển nhượng từ ông D và bà A vào ngày 15/5/2009, diện tích 250m^2 (05 x 50m), khi chuyển nhượng hai bên có lập giấy tờ viết tay, có chữ ký của các bên, hiện trạng đất là đất trắng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng là 125.000.000đ. Ông P được biết nguồn gốc thửa đất là do ông Đ, bà T chuyển nhượng cho ông N bà C, sau đó ông N và bà C chuyển nhượng cho ông D, bà A và ông D, bà A chuyển nhượng cho vợ chồng ông P . Vợ chồng ông P sử dụng đất ngay tình, ổn định và đã xây nhà cấp 4 trên đất từ tháng 6/2009 không có ai tranh chấp, ông Đ và bà T cũng biết nhưng không có ý kiến gì. Đến năm 2017, bà T mới đến tranh chấp nên ông P không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc D, bà Phạm Thị A trình bày: Thửa đất đang tranh chấp hiện nay do vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của anh Lê Văn N, chị Nguyễn Thị C vào ngày 19/3/2009, giá chuyển nhượng là 125.000.000đ, hai bên có lập giấy chuyển nhượng viết tay, đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 5/2009, ông bà chuyển nhượng lại thửa đất này cho ông Lưu Văn P và bà Nguyễn Thị T. Ông bà không biết nguồn gốc đất, việc chuyển nhượng giữa ông Đ, bà T với A N, chị C như thế nào, ông D bà A chỉ nhận chuyển nhượng trực tiếp, ngay tình từ anh N, chị C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn N, chị Nguyễn Thị C trình bày: Vào khoảng năm 2007, 2008, anh N, chị C nhận chuyển nhượng của bà T, ông Đ (bà T là dì ruột của chị C) thửa đất có diện tích 250m^2 (05x 50m) tọa lạc tại bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, giá chuyển nhượng là 35.000.000đ, hiện trạng đất là đất trắng và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, A chị đã giao tiền đầy đủ cho bà T, ông Đ nhưng vì là chỗ người nhà nên không lập giấy tờ và không có người làm chứng. Sau khi nhận chuyển nhượng vài tháng thì A chị chuyển nhượng lại thửa đất này cho ông D, bà A. Sau đó ông D, bà A tiếp tục chuyển nhượng cho ông P , bà T. Quan điểm của ông bà đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông Đ là không có cơ sở.

Người có quyền lợi N vụ liên quan ông Bàn Phủ L và bà Bàn Thị C trình bày: Năm 2004, vợ chồng ông L bà C chuyển nhượng cho ông Đ, bà T thửa đất có chiều ngang theo quốc lộ 14c là 10m, chiều dài 50m, đất tọa lạc Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông., tỉnh Đắk Nông. Hai bên có lập giấy tờ viết tay, đất

chuyển nhượng là đất trắng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất hiện đang tranh chấp giữa ông Đ, bà T với ông P (05 x 50m) chính là một nửa thửa đất mà ông bà đã chuyển nhượng cho ông Đ, bà T. Việc chuyển nhượng đất hiện nay ông bà không có ý kiến gì nữa, quá trình sử dụng đất các bên chuyển nhượng cho nhau như thế nào ông bà không biết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà có được bà T kể cho nghe về thửa đất hiện đang trA chấp là của bà T, ông Đ, cụ thể như thế nào thì bà không biết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà có biết sự việc khi ông P làm nhà thì bà T, ông Đ có đến nhà ông P .

Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 143; Khoản 1Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105; khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ và bà Đỗ Thị T.

1.1 Buộc ông Lưu Văn P , bà Nguyễn Thị T trả lại cho ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị T diện tích đất 293,9m^2 có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Bàn Phủ L, cạnh dài 5,0m; phía Tây giáp Quốc lộ 14c, cạnh dài 5,0m; phía Nam giáp đất ông K, cạnh dài 52,03m; phía Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 52,29m, thuộc thửa đất số 62 tờ bản đồ số 90, tọa lạc tại Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông., tỉnh Đắk Nông .

1.2 Buộc ông Trần Văn Đ và bà Đỗ Thị T có N vụ thanh toán cho ông Lưu Văn P , bà Nguyễn Thị T số tiền giá trị tài sản trên đất là: 226.042.500đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án.

1.3 Ông Lưu Văn P , bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông Vũ Ngọc D và bà Phạm Thị A để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định chi phí đo đạc và thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá, chi phí giám định, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28-4-2021, bị đơn ông Lưu Văn P và người có quyền lợi N vụ liên quan ông Vũ Ngọc D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 20-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của

đương sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông Lưu Văn P thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa người kháng cáo vẫn đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn đề nghị bác kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi nêu nội dung đánh giá chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Văn P và ông Vũ Ngọc D, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về chi phí, án phí : Do yêu cầu khởi kiện bị bác nên bà Đỗ Thi T phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra, trnh tụng tại phiên tòa, đối chiếu quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lưu Văn P và của ông Vũ Ngọc D kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo của ông Lưu Văn P và ông Vũ Ngọc D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Quyết định số: 197/QĐ-UB ngày 15/01/2003 của UBND tỉnh Đăk Lăk thu hồi 5.365ha đất của lâm trường T tại 8 tiểu khu lâm nghiệp thuộc địa giới hành chính các xã giao cho UBND huyện Đ quản lý cụ thể: Xã Đ 4.273 ha, xã T 1.091 ha.

Tháng 10/2007, nhà nước thành lập xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, UBND huyện Đ giao đất về cho xã T quản lý theo chế độ sử dụng đất nông Nghiệp. Kết quả lồng ghép của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thể hiện vị trí đất trA chấp thuộc khoảnh 8 tiểu khu 1129, nay là thửa số 62 tờ bản đồ 90 đo đạc giải thửa năm 2014, tọa lạc tại Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông .

Quá trình giải quyết vụ án, bà T khai sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông L thì bà dựng căn nhà tạm trên một nửa đất, năm 2009 chuyển nhượng phần đất có nhà (05m) cho ông D, bà A, còn lại 05m đất gửi cho cháu gái là chị Nguyễn Thị C trông C, sau đó chị C tự ý bán cho người khác.

Lời khai của chị Nguyễn Thị C và anh Lê Văn N thể hiện, diện tích đất tranh chấp là do bà Đỗ Thị T chuyển nhượng cho vợ chồng chị C, anh N với giá 35.000.000 đồng nhưng vì tin tưởng là dì cháu nên hai bên không viết giấy sang nhượng. Ngày 19/3/2009, anh N, chị C viết giấy tay sang nhượng cho vợ chồng

ông Vũ Ngọc D và bà Phạm Thị A với giá 125.000.000 đồng, các bên đã giao đất, nhận tiền (BL16).

Ngày 15/5/2009, ông Vũ Ngọc D và bà Phạm Thị A viết giấy tay chuyển nhượng cho ông Lưu Văn P và bà Nguyễn Thị T thửa đất với giá 125.000.000 đồng, hai bên đã giao đất, giao tiền (BL 31).Tháng 6 năm 2009, ông P , bà T xây dựng nhà cấp 4 diện tích 107m^2. Ngày 03/7/2009, gia đình ông Lưu Văn P được cấp số hộ khẩu gồm hai vợ chồng và 03 người con, sử dụng đất liên tục đến năm 2014 thì được giải thửa sử dụng thửa đất số 62 diện tích 293,9 m^2 đất 0NT (Đất ở), ông P , bà T có tên trong sổ địa chính, đây là căn cứ xác định người sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T thay đổi lời khai, bà cho rằng sau khi bán 5m có nhà cho ông D bà A thì bà không gửi đất cho chị C trông nom mà để trống, cuối năm 2009 bà T phát hiện ra có người xây nhà trên 5m đất còn lại nhưng không biết là ai, hỏi chị C thì được biết ông P mượn đất xây nhà bán thuốc tây. Năm 2014, bà T đã tố cáo chị C, anh N và ông D, bà A lừa đảo, chiếm đất ra chính quyền. Tuy nhiên, chị C, bà A thừa nhận biết việc bà T tố cáo nhưng không phải diện tích đất ông P , bà T đang sử dụng, mà là diện tích đất hiện nay Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông đang giải quyết sơ thẩm.

Lời khai của bà T trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 10/01/2019 giữa nguyên đơn bà Đỗ Thị T với bị đơn ông Vũ Ngọc D và bà Phạm Thị A; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C, anh Lê Văn N thì năm 2009-2010, bà T là người bán xăng dầu chung với ông Vũ Ngọc D và bà Phạm Thị A tại Bản Đ, xã T, gần vị trí đất mà bà Đỗ Thị T mua của ông Bàn Phù L, lời khai này là mâu thuẫn với lời khai bà không có mặt ở bản Đ nên không biết ông P xây nhà trên đất.

Lời khai ông Lưu Văn P , bà Nguyễn Thị T cùng người làm chứng bà Phạm Thị C, bà Trần Thị T,ông Vũ Văn K, ông Lý Đào C, ông Phan Văn T, ông Lê Văn T, ông Ninh Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Trương Văn Th, ông Hìn A S là những người cư trú tại thôn 2, Bản Đ, xã T đều khẳng định khoảng tháng 5 năm 2009, gia đình ông P , bà T xây dựng nhà thì bà T đến chỉ mốc ranh giới, sau đó ông P bà T tân gia nhà thì bà T đến dự, bản khai của người làm chứng có xác nhận của UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Tại Công văn số: 597/UBND-TP ngày 10/12/2020 Ủy ban nhân dân xã T xác định trước năm 2017 không nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết tranh chấp của bà T với ông P (BL 233).

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Nguồn gốc đất do ông Bàn Phù L khai phá rừng trái phép, chuyển nhượng đất rừng trái phép thuộc quyền quản lý của ủy ban nhân dân huyện Đă cho bà Đỗ Thi T và ông Trần Văn Đ. Từ năm 2009 đến nay, bà T và ông Đ không quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp, không có các loại giấy tờ quyền sử dụng đất hợp pháp của mình theo Điều 50 Luật đất đai năm 2003, nay là Điều 100 Luật đất đai năm 2013 nên không được nhà nước bảo hộ về quyền sử dụng đất theo khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013.

Bản án sơ thẩm coi giấy tờ mua bán đất viết tay trái phép giữa ông Bàn Phù L với bà Đỗ Thị T là căn cứ bảo hộ về quyền sử dụng đất cho của ông Đ, bà T dù ông bà không sử dụng đất là trái với khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013.

Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của của ông Lưu Văn P và ông Vũ Ngọc D, chấp nhận quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông, sửa bản án sơ thẩm về điều luật và nội dung theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ và bà Đỗ Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có thiếu sót, vi phạm: Biên bản kiểm tra giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ không ghi tên, đóng dấu thẩm phán; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 06/4/2021 thể hiện Hội Thẩm nhân dân tham gia bà Cấn Thị T và bà Võ Thị M nhưng Biên bản phiên Tòa thể hiện bà Võ Thị M và ông Hoàng Minh H.Ông Lưu Văn P cung cấp File ghi âm cuộc nói chuyện giữa A Lưu A T và ông Bàn Phù L (BL 246) nhưng cấp sơ thẩm không mời ông Bàn Phù L và A Lưu A T làm rõ nội dung cuộc ghi âm này có liên quan gì đến việc tranh chấp đất. Bản án sơ thẩm nhận định: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T, ông Trần Văn Đ được chấp nhận nên buộc ông Lưu Văn P , bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nhưng phần quyết định bản án không buộc ông P bà T chịu án phí đối với số tiền 226.042.500 đồng. Tuy nhiên, xét thấy chứng cứ chứng minh đã đầy đủ và không thay đổi bản chất yêu cầu khởi kiện nên không cần hủy án để giải quyết lại mà chỉ nêu để rút kinh nghiệm.

Về chí phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Trần Văn Đ và bà Đỗ Thị T phải chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 12.030.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, bà Đỗ Thị T và ông Trần Văn Đ phải chịu án phí DSST số tiền 226.042.500 đồng. Tuy nhiên bà Đỗ Thị T và ông Trần Văn Đ là hộ cận nghèo; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-QH13 về án phí,lệ phí mễn án phí cho bà T, ông Đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Văn P và ông Vũ Ngọc D, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1,2,4 Điều 91; khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 157; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 100; khoản 5 Điều 105; khoản 6 Điều 166 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/QH 13 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ và bà Đỗ Thị T về việc buộc ông Lưu Văn P và bà Nguyễn Thị T phải trả lại diện tích đất 293,9m^2 có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Bàn Phủ L, cạnh dài 5,0m; phía Tây giáp Quốc lộ 14c, cạnh dài 5,0m; phía Nam giáp đất ông K, cạnh dài 52,03m; phía Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 52,29m, thuộc thửa đất số 62 tờ bản đồ số 90, tọa lạc tại bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2.Về chi phí, án phí: ông Trần Văn Đ và bà Đỗ Thị T phải chịu chi phí xem xét thẩm định, chi phí giám định số tiền 12.030.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Đ và bà Đỗ Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo giá ngạch.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp Co tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đăk Song;
- Chi cục THADS huyện Đăk Song;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tài Sử